

CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

QUYỂN 10

1. Giới là nền tảng của định, tuệ:

“Nghiệp Phiền não cùng thân và quả sở đắc của nghiệp... cho đến người tu hành không ăn”: Ở trên nói tiền tài, lúa gạo và vàng bạc, ruộng vườn nhà cửa và tội tứ trở xuống đến đây, gồm mười bốn bài kệ. Phật dạy đệ tử không cố ý làm phạm nhiếp luật nghi giới mới có thể thành tựu nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới, sinh định phát tuệ, đầy đủ tất cả pháp Phật. Nên biết giới là nền tảng của định và tuệ, ví như nước không thể một ngày không có vua. Người xưa dùng thí dụ lâu có nhiều tầng, tầng dưới được xây dựng chắc chắn thì tầng trên mới tồn tại được.

2. Nói về hai thứ chấp:

“Hành giả quán năng tướng và sở tướng của thế gian... cho đến đâu thể dứt hai chấp”. Giác trí: nghĩa là hai trí vô ngã. Hai chấp: là ngã chấp, pháp chấp. Hai trí vô ngã để đối trị ngã chấp pháp chấp, khởi đạo năng trị như chương Nhị Vô Ngã ở trước đã nói. Nhưng sẽ nêu ra hai trí, thuộc mâu thích hợp thì đều biết nguồn gốc của hai thứ bệnh chấp. Luận Duy thức chép: Ngoại đạo hai thừa chấp ngã chấp pháp đều có hai thứ:

1. Câu sinh.
2. Phân biệt.

Hai chấp câu sinh, nghĩa là từ vô thỉ đến nay luống dối huân tập nhân lực bên trong, thường đi chung với thân (sinh một lượt với thân, đồng sự với tâm), không đối đãi tà giáo và tà phân biệt, nhậm vận mà chuyển cho nên gọi là câu sinh.

Ở đây lại có hai thứ:

1. Thường nối nhau, ở thức thứ bảy duyên thức thứ tám, khởi tướng tự tâm, chấp là thật pháp và thật ngã.

2. Có xen hở, ở thức thứ sáu, duyên thức thứ tám biến ra, tướng uẩn giới xứ, hoặc chung hoặc riêng, khởi tướng tự tâm, chấp là thật pháp

và thật ngã. Phân biệt hai chấp, nghĩa là cũng do năng lực của ngoại duyên hiện tại, không đi chung với thân, phải đợi tà giáo và tà phân biệt, sau đó mới khởi, nên gọi là phân biệt, chỉ ở trong ý thức thứ sáu mới có.

Đây cũng có hai thứ:

1. Duyên tà giáo, nói uẩn xứ giới, các tướng, khởi tướng tự tâm phân biệt chấp đắm, chấp làm thật pháp và thật ngã.

2. Duyên tà giáo, nói tự tánh các pháp v.v... và tướng ngã, khởi tướng tự tâm, phân biệt so đo chấp làm thật ngã và thật pháp (vấn hai thứ chấp này trong luận không nói, ở đây hợp dẫn)

Hai thứ chấp này phân biệt khởi, tức là thấy đế thì dứt, nếu câu sinh là tu thì dứt, đều do vô minh nhân duyên sinh nên như huyễn có chấp ngã, chấp pháp, vọng so lường, quyết định chẳng có. Cho nên Thế Tôn dạy: Các thức sở duyên chỉ do tâm hiện, tánh y tha khởi như việc huyễn... Nếu hiểu rõ hai không, thì hai chấp sẽ dứt theo. Hiểu rõ hai thứ không kia, tức là hai thứ trí giác. Cho nên nói nếu không có giác trí sinh thì đâu thể dứt hai thứ chấp.

3. Do giác tự tâm nên dứt được hai thứ chấp:

“Do giác tự tâm cho nên dứt được hai thứ chấp... cho đến đều là do tâm tạo”.

Hỏi: Ba cõi là nhân ban đầu, bốn sinh là nguyên thủy, chẳng cùng tận gốc ngọn, không phân biệt được nhân duyên đầu mối. Ý chỉ của Trang lão cho là tự nhiên. Chu Khổng gọi đó là hỗn độn. Đối với điều này, Phật dạy từ cõi Vô sắc cho đến địa ngục, y báo chánh báo đều do tâm tạo, là chỗ sinh khởi ban đầu. Vì sao chỉ nam đáp: Muốn biết đầu mối chân thật về thân và cõi của loài hữu tình thì trước phải không có tâm ngã. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Nên quán pháp giới tánh, tất cả do tâm tạo, lại nói rằng tâm như người thợ vẽ, vẽ ra tất cả sự vật thế gian, năm ấm đều từ đó mà sinh, không có pháp nào mà không tạo vẽ được. Cho nên nói rằng khi các Bồ-tát khi mới bước vào Trụ địa, phải khéo quán sát, tùy thân kia tu tất cả pháp môn, tùy đó mà có trí tuệ sâu rộng, tùy nhân tu tập, tùy quả chứng đắc, tùy cảnh giới kia, tùy lực dụng kia, tùy theo thị hiện, tùy theo phân biệt, tùy theo mà chứng đắc, đều phải khéo quán sát, biết tất cả pháp đều do tâm tạo, nên không chấp đắm. Kinh Lăng-nghiêm cũng chép: Mê vọng có hư không, nương không lập thế giới, tưởng lặng thành cõi nước, trí giác là chúng sinh. Đến như thế giới, chúng sinh nghiệp quả, ba thứ nối nhau, đều là giác minh, tánh biết rõ sáng suốt, nhờ biết rõ mà phát ra tướng, từ vọng chấp

sinh núi sông, đất đai các tướng hữu vi, thứ lớp trôi lăn, do sự luống dối đến cuối thì trở lại ban đầu. Cho nên biết rằng khi ánh sáng chưa phát hiện thì còn không có tên gọi khi nghĩ muốn thì sinh liền phân chia hình ảnh. Nếu có biết có giác, thì cõi chúng sinh khởi. Nếu vô tướng vô lự thì cõi nước duyên sinh. Do pháp nhiệm mà luân hồi sáu đường, tùy tâm tịnh mà có thứ bậc bốn Thánh, có thể nói rằng gốc của Thánh phàm, nguyên nhân của thân cõi, nên cho rằng hư không thế giới đều tự tâm ta. Chẳng phải chỉ nói thái cực sinh lưỡng nghi, huyền tẩn là cõi gốc của trời đất mà thôi. Xét về thiện ác báo ứng đều là nghiệp của bản thân ta. Chẳng phải chỉ nói thượng đế vô thường, lưới trời lồng lộng mà thôi, chẳng lẽ là lời hư dối ư!

4. Phật nói nhiều đường nhưng thật ra là Nhất thừa:

“Các tam-muội như huyễn, và do ý thành thân... cho đến giảng ba thừa, Nhất thừa”.

Hỏi: Kinh này trước sau hoặc nói ba thừa Nhất thừa, hoặc nói năm tánh một tánh, hoặc nói vô thừa và thừa giả, cho đến các thuyết khác nhau, cuối cùng chỉ thú như thế nào?

Đáp: Phật nói nhiều đường, nhưng thật ra là nhất thừa. Nếu tùy quyền thật đều có chỗ y theo, thì dường như trái nhau. Nếu hội thông thì đều không trái nhau, nghĩa là y theo căn cơ thì có ba, y theo về pháp thì có một, tâm huân có năm, bản hữu không hai. Nếu nhập vào lý cả hai đều vắng lặng, thì ba và một đều mất. Nếu y theo Phật hóa nghi thì có thể ba cũng có thể một, còn các thuyết khác, so sánh theo đây rất dễ hiểu. Vì vậy cho nên luận nói: Tranh chấp có đúng sai, người thông đạt thì không cần tranh cãi.

“Phật có ba mươi sáu, mỗi pháp lại có mười... cho đến A-lại-da mạng căn”. Căn bản thức chủng gọi là Thọ vì có công năng duy trì thức. Chủng này có công năng giúp cho sắc tâm không đứt quãng, cùng gọi là mạng căn, tương phần sắc pháp thân căn của thức này gọi là noãn, thức hiện hành gọi là thức.

5. Các bậc Thánh đều tu tập hai thứ quán:

“Ý và ý thức đều phân biệt khác tên... cho đến đó là điều mà bậc Thánh thực hành”: Ở đây nói các bậc Thánh đều tu hành chân như thật quán và duy tâm thức quán. Như kinh Tiến Thụ Đại Thừa Phương Tiện chép: Nếu đối với cảnh giới nhất thật mà tu tín giải, lẽ ra phải học tập hai thứ quán:

1. Duy tâm thức quán.
2. Chân như thật quán.

Học Duy Tâm thức quán: Cái gọi là bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tùy thân miệng ý, tất cả các nghiệp đã tạo, đều phải quán sát biết duy tâm tạo, cho đến tất cả cảnh giới hoặc nghĩ tâm đến đều phải xét biết, chớ để tâm vô ký phan duyên không tự giác biết, từng niệm phải quán sát, tùy tất cả duyên niệm của tâm, sẽ khiến tâm chạy theo niệm kia, khiến tâm tự biết, biết rồi trong tâm tự sinh tướng niệm. Chẳng phải tất cả cảnh giới đều có niệm có phân biệt. Cái gọi là trong tâm tự sinh các kiến chấp hay dở, tốt xấu, phải trái, được mất, thịnh suy, có không... vô lượng các tướng, mà tất cả cảnh giới không hề có tướng, khởi lên phân biệt. Nên biết tất cả cảnh giới tự nó không có tướng phân biệt, tức tự nó chẳng có hay dở, chẳng có tốt xấu... cho đến chẳng có chẳng phải không, lia tất cả tướng, như vậy quán sát tất cả các pháp do tâm tướng sinh. Nếu khiến lia tâm, thì không có một pháp một tướng nào để tự thấy có khác nhau. Chân như thật quán, là tư duy tâm tánh không sinh không diệt, không ở trong thấy nghe hay biết, lia hẳn tất cả tướng phân biệt. Cho nên nói chân như và duy thức là pháp thực hành của các bậc Thánh, như trên, lý hạnh song tu, mới gọi là quán pháp. Cho nên ngài Vĩnh Gia nói: Muốn qua biển thì trước phải lên thuyền, không có thuyền thì không thể qua sông. Cũng vậy, tu tâm cần phải nhập quán, không tu quán thì không thể minh tâm, tâm còn chưa sáng thì làm sao tương ứng được. Nếu không tu tập mà đắc Bồ-đề thì các loài mèo thỏ lẽ ra cũng nên chứng đắc.

6. Bốn thứ bốn đế:

Ở đây có lời hay không có lời, kia chẳng hiểu pháp của ta... cho đến đây là nghĩa bốn đế, tông Thiên Thai y theo phẩm Thánh Hạnh kinh Niết-bàn, chia thành bốn thứ bốn đế, đó là sinh diệt, vô sinh diệt, vô lượng, vô tác. Sinh diệt: khổ tập là nhân quả thế gian, diệt đạo là nhân quả xuất gian, nghĩa bức bách ép ngặt gọi là khổ, thì ba tướng thay đổi (Tập Luận nói rằng các hữu tình sinh và chỗ chúng sinh nương tựa đều gọi là khổ đế). Thêm lớn gọi là tập, thời bốn tâm lưu động (Tập Luận nói tất cả phiền não và phiền não tăng thượng sở tạo các nghiệp, đều gọi là tập đế). Trừ họa hoạn gọi là đạo, cho nên đối trị dễ đoạt, vắng lặng gọi là diệt, cho nên diệt hữu trở về vô, tức khiến chúng sinh biết khổ dứt tập, ưa diệt tu đạo, vì thế gian, xuất thế gian đều là biến đổi, cho nên gọi là sinh diệt bốn đế (Đế có hai nghĩa: 1. Đế thật; 2. Thẩm đế). Nếu thông đạt tự đế từ duyên sinh cho nên không, thì vượt qua phương tiện ngộ được Thánh chỉ, thành tựu trí tuệ, nghĩa là giải thoát được khổ không còn khổ, gọi là khổ Thánh đế, hiểu tập

vô hòa hợp gọi là tập Thánh đế; hiểu diệt là vô diệt, gọi là diệt Thánh đế; hiểu đạo là vô đạo gọi là đạo Thánh đế, cho nên gọi Vô sinh bốn đế. Kinh Đại Niết-bàn chép: Khổ có vô lượng tướng, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được, tập diệt đạo cũng giống như vậy, tức vô lượng bốn đế. Nếu biết rõ ấm nhập đều như, không có khổ để bỏ, vô minh phiền não tức là Bồ-đề, không có tập để dứt, sinh tử tức Niết-bàn, không có diệt để chứng, biên tà đều là trung chánh, không có đạo để tu. Vô tập vô khổ cho nên không có thế gian. Tất cả các pháp đều là thật tướng, ngoài thật tướng ra không có pháp nào khác, tức là vô tác bốn đế. Cho nên: Huyền nghĩa chép: Do mê lý, Bồ-đề thành phiền não gọi là Tập đế, Niết-bàn thành sinh tử gọi là khổ đế. Vì hiểu được phiền não tức Bồ-đề gọi là đạo đế, sinh tử tức Niết-bàn gọi là diệt đế, ngay nơi sự mà trung, không lo không nghĩ, không ai tạo tác gọi là vô tác, cũng gọi là Nhất thật đế. Sở dĩ tám ngàn, vị Thanh văn trong hội Pháp Hoa thấy tánh Như lai như mùa thu thì thâu hoạch mùa đông thì cất chứa, lại vô sở tác. Do thấu hiểu được nguồn gốc, pháp vốn như vậy. Nếu người chưa thân chứng, thì không thể khoanh tay đứng nhìn an nhiên, bắt chước vô tác vô tu như dòng nước chảy ra sông tự nhiên nhậm vận, do đó bốn đế kiên cố phù hợp với các độ, có thêm có bớt. Đồng cư có bốn, phương tiện thì ba, thật báo thì hai. Tịch quang chỉ có một, lại gọi chung là Bốn đế, nói riêng mười hai nhân duyên. Khổ là bảy chi: thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, sinh tử... Tập là năm chi: vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Đạo là phương tiện đối trị nhân duyên. Diệt là vô minh diệt, hành diệt, cho đến già chết diệt. Cho nên kinh Niết-bàn khai làm bốn thứ bốn đế, cũng khai làm bốn thứ mười hai nhân duyên. Bực hạ chí quán đắc Thanh văn Bồ-đề, bực trung trí quán đắc Duyên giác Bồ-đề. Bực thượng đắc Bồ-tát Bồ-đề. Bực thượng thượng trí quán đắc các Đức Phật Bồ-đề. Cho nên Trung luận chép: Pháp do nhân duyên sinh tức là sinh diệt, ta nói tức là không, là vô sinh diệt, cũng gọi là giả danh, là vô lượng, cũng gọi nghĩa trung đạo, là vô tác. Lại nói nhân duyên tức là tập, sở sinh tức là khổ, diệt tập phương tiện là đạo, khổ tập hết là diệt...

7. Hỏi đáp về bốn đế:

Hỏi: Pháp tánh còn chẳng phải một pháp, vì sao dùng một, hai, ba, bốn suy tìm ư!

Đáp: Pháp tánh là sở mê, khổ tập là năng mê, năng mê có nặng nhẹ, sở mê có tức lìa, y theo phạm vi phân biệt trong ngoài thì có bốn thứ khổ tập, y theo căn tánh chứng lý, thì có một, hai, ba, bốn khác nhau. Nếu trong phạm vi người căn cơ thấp kém mê chân nặng thì khổ

tập cũng nặng, người lợi căn mê chấp nhẹ, thì khổ tập cũng nhẹ. Bên ngoài phạm vi lợi động nhẹ nặng cũng giống như vậy. Pháp tánh là sở giải, diệt đạo là năng giải, sở giải có tức lìa, năng giải có khéo léo vụng về, kẻ động căn trong sở giải lìa, thì năng giải vụng về, người lợi căn sở giải thì năng giải cũng khéo, lợi động của giới ngoại tức lìa khéo léo vụng về cũng như vậy.

Hỏi: Tập đã có bốn, vì sao quả khổ có hai?

Đáp: Mê hoặc tùy ở giải tập thì có bốn, giải tùy ở hoặc, nhưng chiêu cảm hai thứ tử. Chẳng hạn như Tiểu thừa hoặc tùy ở giải, thì có kiến đế, suy nghĩ. Nếu giải tùy ở hoặc thì chỉ là một phần dứt sinh tử.

Hỏi: Khổ tập có thể là pháp do nhân duyên sinh, diệt đạo vì sao như vậy?

Đáp: Khổ tập là sở phá, diệt đạo là năng phá, năng phá từ sở phá mà có tên gọi, đều là pháp do nhân duyên sinh. Cho nên Kinh Đại Niết-bàn nói rằng: Nhờ dứt vô minh nên được chứng Tam Bồ-đề rõ ràng, cũng là nhân duyên.

Hỏi: Pháp tánh là sở mê, vì sao lại có hai? Vì sao có bốn?

Đáp: Pháp tánh tùy quyền thật cho nên có hai, pháp tánh tùy cơ duyên cho nên có bốn. Nếu đạt được ý chỉ này thì thấy tướng nghe pháp v.v... chẳng hạn như soạn bốn trường hợp phân biệt thì không lầm lẫn, cho nên biết nhất tâm bốn đế, bao trùm ngang dọc, lý không chỗ nào không cùng tận, không pháp nào là không đầy đủ.

8. Mười phiền não căn bản:

“Vì phạm phụ vọng phân biệt chấp ba tự tánh... cho đến dứt trừ thấy đều thanh tịnh”. Thấy người tu các phiền não, tức là thấy đạo dứt phân biệt phiền não và tu đạo dứt câu sinh phiền não. Nói cho cả ba thừa nói lược có mười thứ:

1. Tham.
2. Sân.
3. Si (cũng gọi là vô minh).
4. Mạn.
5. Nghi.
6. Thân kiến.
7. Biên kiến.
8. Tà kiến.
9. Kiến thủ.
10. Giới cấm thủ.

Trong mười sử phiền não chung riêng như thế thì hai chấp nghi

và tà kiến có bốn thứ, chỉ phân biệt khởi, tức phiền não do thấy đếmà dứt, còn lại sáu thứ như tham... phân biệt chung câu sinh bao gồm hai sở đoạn, nghĩa là kiến sở đoạn và tu sở đoạn. Trong tám thức thì năm thức trước được khởi ba thứ đầu, cũng có cả phân biệt và câu sinh, do dụng trong ý thức, tà sư, tà giáo, và tà suy nghĩ, do ba nhân dẫn dắt nên có phân biệt khởi. Ý thức thứ sáu gồm có mười thứ, bốn chỉ là phân biệt, sáu có cả phân biệt và câu sinh, mặt-na thứ bảy chỉ có bốn câu sinh, nghĩa là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái. Thức này có tánh hữu phú vô ký. Thức thứ tám kia gồm có mười thứ không khởi, chỉ có tánh vô phú vô ký, này phân biệt câu sinh đều chung cho ba cõi, chỉ một thứ sân chỉ có ở cõi Dục. Hai cõi Sắc và cõi Vô sắc kia phiền não đều thuộc về tánh hữu phú vô ký. Trong bốn đế ở cõi Dục đều có mười sử, tức là bốn mươi, hai cõi trên đều trừ sân, mỗi đế riêng có chín, tức có bảy mươi hai sử, và cõi Dục hợp chung có một trăm mười hai. Câu sinh kia ở cõi Dục có đầy đủ sáu, hai cõi trên trừ sân mỗi cõi chỉ có năm, hợp thành mười sáu, chung cho phân biệt trước, gồm có một trăm hai mươi tám phiền não. Nếu căn cơ hai thừa dùng tám nhãn tám trí dứt sự phiền não phân biệt của bốn đế trong ba cõi, được quả dự lưu. Kế là tu chín vô gián đạo, chín giải thoát đạo, dứt bỏ phiền não câu sinh trong ba cõi, đắc quả thứ ba, sở tri chướng và các đường kia vắng lặng, được nhập Niết-bàn vô dư, còn tất cả những thứ kia có dứt hay không dứt đều khác với pháp hai thừa, vì hai thừa chỉ dứt, phiền não chướng (đồng tâm hai thừa được hồi hướng tâm Bồ-tát, phân dứt sở tri chướng không đồng với ngu pháp của hai thừa, chỉ dứt phiền não chướng). Tiến thẳng đến Bồ-tát thì hai chướng đều dứt. Trong phiền não chướng không đồng hai thừa y theo giới phân vị (đồng tâm Bồ-tát dứt phiền não chướng, hoặc chủng loại hai thừa). Nhưng đối với hai chướng phân biệt khởi, hàng Địa tiền hàng phục hiện hành, khi hàng Sơ địa thật thấy đạo, chỉ trong một sát-na liền đốn đoạn chủng tử kia. Trong phiền não câu sinh kia, hàng Sơ địa đã đi đến tự tại năng dứt, lưu lại hạt giống cho nên không dứt. Vì sao thấm nhuần chúng sinh, thu nhiếp giáo hóa, không rơi vào người hai thừa! Vì dứt chướng sở tri, vì đắc đại Bồ-đề, phiền não của thức thứ bảy kia, tánh chẳng phải nhuận sinh, cho nên chẳng lưu lại, vì hành tướng nhỏ nhiệm. Người Thất địa trở xuống có khi tạm hiện, do quán trí có gián dứt, nên phải biết hạt giống phiền não chướng đến Kim cương vị, sở tri chướng kia hành tướng nhỏ nhiệm, chính làm chướng ngại đạo Bồ-đề, cho nên phân dứt của mỗi địa chủ yếu đến Phật địa mới hết không còn sót. Do đó nên nói hai chướng tu hoặc đều đến Phật địa. Cho nên Đối Pháp.

9. Bồ-tát chỉ tu chướng sở tri chưa dứt phiền não chướng:

Luận chép: Lại nữa, các Bồ-tát trong mười địa, chỉ tu sở tri chướng đối trị đạo, chẳng dứt phiền não chướng, khi đắc Bồ-đề liền dứt phiền não và sở tri chướng. Nếu theo thật giáo thì các vị Thanh văn đối với phiền não chướng chỉ có khả năng diết phục, huống gì là năng dứt sở tri chướng, còn hàng Bồ-tát đối với hai chướng không phân câu sinh và phân biệt, chỉ có chánh sử và thói quen, còn người Địa tiền hàng phục sử hiện, người Sơ địa dứt hạt giống sử. Bồ-tát Địa thượng dứt thói quen, Phật địa rốt ráo thanh tịnh, trong đó thói quen do dứt hạt giống chánh sử vô gián mới có thói quen còn sót. Nếu y theo thức thứ sáu, bảy, tám và hai chướng hòa hợp phân biệt thì có nghĩa trong thức thứ tám chỉ có thói quen, trong thức mặt-na chỉ có hạt giống, thức thứ sáu chỉ có hiện hành. Hoặc nói thức thứ sáu, bảy, tám đều có cả hạt giống thói quen hiện hành, nhưng hai chướng này đều có công năng làm chướng trí, gọi chung là vô minh, vì đó là hai vô minh gốc ngọn. Như luận Khởi Tín chép: Y vào bốn mặt tương y môn để nêu rõ hai chướng, do vô minh khởi sáu tâm nhiễm, là phiền não chướng ngại (tức tứ trụ địa phiền não). Có công năng sanh khởi vô minh nhiễm tâm (căn bản) gọi là trí chướng, không gọi là trụ địa, phiền não chướng ngại kia cũng gọi là vô minh chi mật (cũng gọi sở tri chướng). Vì sao? Vì năng nhiễm cảnh nghĩa biên gọi là phiền não, vì năng chướng trí nghĩa biên cũng gọi là vô minh.

10. Vô minh có hai thứ:

Cho nên luận Du-già chép: Vô minh có hai: Nếu đi chung với tham... thì gọi là tương ứng vô minh (chi mật), nếu đi chung với chẳng tham... thì gọi là độc hành vô minh (căn bản), lấy đó làm chính. Duy thức lại chép: Không chung với vô minh có hai: 1. Thường hành bất cộng, chỉ mặt-na có (chi mật). 2. Độc hành bất cộng, mặt-na không có (căn bản), do đó ngài Thiên Thai dùng thể chân chỉ từ giả nhập vào không quán, tương ứng với không tuệ, tức năng phá kiến tư hoặc (tứ trụ phiền não), thành mắt tuệ nhất thiết trí, trí năng đắc thể, đắc chân thể. Dùng phương tiện tùy duyên chỉ từ không nhập vào giả quán, phân biệt thuốc bệnh, các thứ pháp môn, tức phá vô tri hoặc (chi mật vô minh), thành pháp nhãn đạo chủng trí. Trí năng đắc thể chứng, được tục thể. Do lìa hai bên phân biệt chỉ và hai quán trên làm phương tiện, được nhập trung đạo quán. Phá vô minh căn bản thành Phật nhãn nhất thiết chủng trí, trí năng đắc thể, đắc trung đạo Đệ nhất nghĩa thể, vẫn gọi là khéo đạt thứ lớp nghĩa vậy. Nếu y theo nhất tâm viên đốn chỉ quán,

nghĩa là pháp tánh vắng lặng gọi là chỉ, tịch mà thường chiếu gọi là quán. Dùng chỉ duyên ở đế, thì một đế mà ba đế, dùng đế buột nơi chỉ, thì một chỉ mà ba chỉ. Thí như ba tướng ở nơi một niệm tâm, tuy một niệm tâm mà có ba tướng, chỉ và đế cũng như thế, pháp sở chỉ tuy một mà ba, tâm năng chỉ tuy ba mà một, do quán quán ở cảnh, thì một cảnh như ba cảnh, do cảnh hiện phát khi quán, thì một quán như ba quán, như Ma-hê-thủ-la trên mặt có ba con mắt, tuy có ba mắt mà chỉ có một mặt. Quán cảnh cũng giống như vậy, quán ba tức một, phát một tức ba, không thể suy nghĩ bàn luận. Chẳng phải thế gian, xuất thế gian, không quyền, không thật, không tốt không xấu, không trước không sau, không chung không riêng, không lớn không nhỏ.

11. Nói về pháp do nhân duyên sinh:

Cho nên Trung Luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, tức không tức giả tức trung, cho nên biết phá tất cả hoặc chẳng gì bằng không, vô giả vô trung và bất không, lập ra tất cả pháp không gì bằng giả, vô không, vô trung và bất giả. Rốt ráo tất cả tánh chẳng gì bằng trung, vô giả vô không và bất trung, đây đều là đối trị vô minh phiền não trong tâm bệnh của chúng sinh. Phương tiện lập ra như thế, ở tông Hiền Thủ vẫn thuộc nghĩa Chung giáo, vô minh phiền não bị bác bỏ ở trên. Trong kinh Viên Giác cũng gọi lý chướng và sự chướng. Nếu theo Đốn giáo, thì hoặc tánh trí tánh đều vốn thanh tịnh, cho nên không thể nói dứt hay không dứt. Dẫu cho rằng có hoặc để dứt cũng không nương vào địa vị để dứt dần. Như luận Khởi Tín chép: Nếu lìa vọng niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Viên giáo lại không phân biệt các sử tập hiện, nghĩa là tất cả phiền não không thể nói là thể tánh kia, cho nên toàn vọng là toàn chân chỉ là pháp giới lớp lớp vô tận, chúng sinh trong tâm các Đức Phật, các Đức Phật trong tâm chúng sinh, hòa nhập liên quan lẫn nhau. Cho nên một chướng tất cả đều chướng, một dứt là tất cả đều dứt. Nhưng người tu quán hạnh phải thông đạt năng dứt vô tánh, sở dứt vốn không, dứt mà không dứt mới gọi là chánh dứt. Nếu chấp chắc chắn là có thì rơi vào thường, không thể dứt. Nếu chấp chắc chắn là không thì rơi vào đoạn, đánh mất Thánh trí. Cho nên người xưa nói: Phật vốn vậy mà siêng tu, hoặc vốn không mà phải dứt.

12. Phải nương Thánh giáo và chánh lý của Phật mà tu hành:

“Bản tánh thanh tịnh tâm, chúng sinh bị mê hoặc... cho đến người trí không nên nói”: Nghĩa là nương Thánh giáo năng thuyên chánh lý sở thuyên của Như lai mà như thật tu hành, dứt hoặc chứng chân thì không có thói quen luống dối. Nếu lìa bỏ điều này mà muốn dứt trừ phiền não

thì đều là ma nói. Cho nên ngài Hiền Thủ dùng chánh lý Thánh giáo của Phật mà phát minh tông thú... khéo phù hợp với căn cơ, đều chia làm năm: (Thấy trong Hoa Nghiêm Giáo Chương và Khởi Tín Luận Số). Vả lại, Thánh giáo có năm:

a. Thánh giáo có năm theo thuyết thứ nhất:

Tiểu thừa giáo: vì tùy căn cơ, tùy theo lời người mà nói các pháp hoàn toàn khác nhau, để phân biệt chánh tà, biện rõ phàm Thánh, phân ra ưa thích nhằm chán, làm sáng tỏ nhân quả. Nhưng lý sở thuyết chỉ hiển bày rõ người không, chưa nói về pháp không, chỉ nương sáu thức ba độc, lập ra căn bản nhiễm tịnh, chưa tận nguồn pháp, cho nên phần nhiều tranh luận.

Đại thừa Thử giáo, cũng gọi là phần giáo: Nghĩa là hai thừa định tánh, xiển-đề vô tánh, đều không thành Phật. Đây là chưa cùng tận pháp lý Đại thừa, cho nên xếp đầu, họ không thành Phật cho nên gọi là phần. Nói rộng pháp tướng ít nói pháp tánh, pháp tánh sở thuyết tức pháp tướng số, quyết chọn rõ ràng cho nên ít tranh luận.

Chung giáo, cũng gọi là Thật giáo: Nói Như lai Tạng tùy duyên thành thức A-lại-da, duyên khởi vô tánh, tất cả đều như, định tánh vô tánh đều sẽ thành Phật, mới cùng tận thuyết chí cực của Đại thừa, cho nên lập thành Chung, vì xứng với thật lý nên gọi là Thật, ít nói pháp tướng, thường nói về pháp tánh, dẫu nói pháp tướng cũng qui về tánh, cho nên không tranh luận. Hai giáo trên đều nương địa vị, thứ lớp tu thành, gọi chung là Tiệm. Nhưng pháp môn này khác với trước sau, nhưng giáo có thì chung đốn tiệm khác nhau, pháp chẳng có hơn kém sâu cạn khác nhau.

Đốn giáo: Chỉ cần một niệm không sinh thì gọi là Phật, không nói theo địa vị thứ lớp, nên gọi là Đốn. Đều không luận về sự tướng, chỉ nói chân tánh, tất cả sở hữu chỉ là vọng tưởng, tất cả pháp giới chỉ là bất lời, năm pháp, ba tự tánh đều không, tám thức, hai thứ vô ngã đều mất, khuyên bảo lìa bỏ, hủy tướng diệt tâm, sinh tâm là vọng, không sinh là Phật.

Nhất thừa Viên giáo: Là nói rõ một vị là tất cả vị, tất cả vị tức một vị, cho nên Thập tín mãn tâm, tức gồm sáu năm vị, thành Chánh đẳng, chánh giác, v.v... Chủ bạn đầy đủ cho nên gọi là Viên giáo, sở thuyết đều là vô tận pháp giới, biến tánh viên dung, duyên khởi vô ngại, như lưới báu của trời Đấng-thích lớp lớp vô tận (Nếu trong năm giáo này hiển bày trong đây, chính là chỉ cho Đốn giáo cũng bao gồm cả Chung giáo). Nhưng giáo chương riêng trong Viên giáo mà nói nhất

thừa có hai: 1. Đồng giáo Nhất thừa, vì đồng đốn đồng thật. 2. Biệt giáo Nhất thừa, chỉ viên dung đủ đức, nghĩa là Biệt giáo thì khác xa các giáo, đồng giáo tức đều gồm thâm các giáo: trước sau các Đại sư phê phán giáo nghĩa, chẳng gì hơn ở đây, chỉ vì chưa hiểu rõ ngũ giáo các thừa, cũng đều có đồng có khác, chung và không chung, cho nên ở đây tiếp tục để thành lập thuyết ấy.

b. Thánh giáo có năm theo thuyết thứ hai:

Tiểu thừa giáo: Do cùng với nhân thiên thừa làm đồng giáo, vì chỉ hiển rõ bốn đế bốn quả là không chung với Biệt giáo. Cho nên Phẩm loại túc luận quyển sáu chép: Có cùng khác sinh pháp, không cùng khác sinh pháp. Thế nào là cùng? Nghĩa là có định và có sinh. Ở đây lại thế nào? Nghĩa là định như vậy, sinh như vậy. Bạc Thánh Dị sinh đều dung hợp mà có được. Thế nào là không cùng? Đó là bốn thông hạnh, bốn vô ngại giải, bốn quả Sa-môn...

Đại thừa Thỉ giáo: Do đồng với hai thừa hồi tâm giáo, vì không cùng hai thừa tiến thẳng giáo là khác. Đây như Trí luận nói rõ có cùng và không cùng chương Bát-nhã giáo giáo Trực tiến của hồi tâm.

Đại thừa Chung giáo: Do đồng với ba thừa trước. Kinh Pháp Hoa chép: Nhất Phật thừa phân biệt nói ba, các ông đều tu đạo Bồ-tát lấy bất cộng ba thừa chỉ Nhất thừa là khác. Kinh Pháp Hoa chép: Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, chỉ một sự thật này, còn hai thì chẳng thật. Vì vậy nên biết Pháp Hoa Niết-bàn, đều đối với quyền giáo tiểu thừa để hiển nhất thừa?

Đại thừa Đốn giáo: Do đồng với Thỉ giáo, Chung giáo, Tiểu thừa, vì không chung với ba thứ trước, chỉ có Đốn giáo là khác. Như kinh Viên Giác chép: Kinh này gọi là Đốn Giáo Đại Thừa, chúng sinh đốn cơ nhờ đây khai ngộ. Nghĩa là y theo cơ thẳng tiến của Biệt giáo. Lại nói, cũng thuộc về tiệm tu tất cả các phẩm. Đây là y theo căn cơ đồng giáo hồi tâm.

Nhất thừa Viên giáo: Lời văn của chương biệt giáo ở trên. Trong năm giáo này, nếu lấy Đại thừa, Tiểu thừa làm đối nhau, thì một giáo ban đầu là Tiểu, bốn giáo sau là Đại. Nếu y theo quyền thật làm đối nhau, thì hai giáo trước là quyền, ba giáo sau là thật. Nếu lấy đốn tiệm làm đối thì ba giáo trước là tiệm, hai giáo sau là đốn. Nếu lấy Thiên Viên làm đối nhau thì bốn giáo trước là Thiên, giáo sau là Viên, mà trước trước không nhiếp sau sau, sau sau phải gồm thâm trước trước. Đây là y theo thuyết của Đồng giáo: Nếu y theo Biệt giáo, thì sau sau đều phá trước trước. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp tánh chân

thường lìa tâm niệm, hai thừa ở đây cũng có thể được, không do đây mà được đời tôn trọng, chỉ dùng trí vô ngại sâu xa (đây là nghĩa Viên giáo phá đốn). Kinh này chép: Sơ địa tức là Địa thứ tám, cho đến vô tướng có thứ lớp gì! (Đốn phá Chung tiệm). Kinh Pháp Hoa chép: Không hai cũng không ba (Chung giáo phá Thủ giáo). Kinh Phạm Võng chê trách người Hai thừa là tà giáo (pháp quyền bác bỏ ngu) đều chỉ dứt bệnh kia, mà không dứt pháp kia. Nhưng trong Đồng giáo tuy đồng với trước nhưng ba giáo trung gian cũng được phân đồng như ở sau. Như kinh Viên Giác có Viên giáo pháp giới ba quán. Nhiếp luận v.v... có hành tướng của thật giáo, nhưng có chỗ giống, không có chỗ khác, có nghĩa kia mà không có giáo kia, chỉ thành nghĩa ngay trong giáo. Do các kinh luận có các pháp môn đồng, khác, chung, không chung, ẩn hiện bất thường như thế, cho nên phương tiện lập năm giáo khác nhau.

13. Hỏi đáp về năm giáo:

Hỏi: Đã biết năm giáo mỗi giáo có đồng, có khác, xuyên suốt nhiều cách giải thích, do đó nói thời giáo trong một đời không còn các uẩn khác. Vì sao nhất tâm y theo các giáo mà có nghĩa khác nhau như vậy ư?

Đáp: Đây có hai nghĩa, cho nên nói như vậy:

- Y theo pháp gồm thâm chung, nghĩa là do sự duyên khởi sâu xa này mà nhất tâm có năm nghĩa môn, cho nên bậc Thánh dùng bất cứ một môn nào để nhiếp hóa chúng sinh: 1. Nhiếp nghĩa từng danh môn, như thuyết của Tiểu thừa giáo. 2. Nhiếp lý từng sự môn, như thuyết của Thủ giáo. 3. Lý sự vô ngại môn, như thuyết của Chung giáo. 4. Sự tận lý hiển môn, như thuyết của Đốn giáo. 5. Tánh hải cụ đức môn, như thuyết của Viên giáo. Cho nên không động gốc (bổn) mà thường ngọn, không hoại ngọn mà thường gốc, năm nghĩa tương dung hợp chỉ là nhất tâm.

- Y theo phạm vi của căn cơ đặc pháp (cơ khí khác nhau), nghĩa là có khi hoặc được danh mà không được nghĩa, như Tiểu thừa giáo, có khi được danh và được phần nghĩa, như Thủ giáo, hoặc có khi được danh, được cả phần nghĩa, như Chung giáo, có khi được mà không được danh, như Đốn giáo, có khi danh nghĩa đều không được như Viên giáo. Cho nên biết Thánh giáo có muôn vàn khác nhau, nhưng chủ yếu chỉ là năm giáo này. Ban đầu thì rõ ràng không lẫn lộn, sau là toàn thể tương gồm thâm, một vị dung thông, các nghi dứt hết. Tóm lại là Như lai dùng phương tiện khéo léo nhiếp hóa chúng sinh, còn các nghĩa môn khác rộng như trong giáo ấy có nói rộng.

14. Các bộ khác cho độc Tử bộ là ngoại đạo:

Trước hết nên hiểu rõ về ngã và phân tích các chấp... cho đến thứ năm không thể nói: Nói ba đời và chẳng phải đời, thứ năm không thể nói, nghĩa là Độc tử bộ ở Thiên Trúc cho rằng ngã pháp đều có, lấy đó làm tông thú, lập năm pháp tạng, đó là ba đời là ba, vô vi là bốn, tức là phi thế (chẳng phải đời), thứ năm không thể nói che giấu Ngã ở trong đó, không thể nói là hữu vi và vô vi. Cho nên bộ này, các bộ khác đều từ chối không chịu nhận, cho là ngoại đạo nương gá vào Phật pháp.

15. Bài tụng cuối phá chúc lưu thông:

“Sự hiểu biết của các Đức Phật... cho đến chỗ có phân biệt”: Đây là bài tụng sau cuối, nghĩa là y theo nghĩa phó chúc lưu thông, giáo tích là tâm năng thuyên, lý bốn là tâm sở thuyên, chẳng phải bốn không do đâu có tích, chẳng phải tích thì không do đâu bày bốn. Nếu có thể tìm tích mà được bốn, thì tự nhiên bật dấu vết qui về tông, cho nên nói giáo do lý mà thành, lý do giáo mới hiển bày. Giáo này là giáo liễu nghĩa chân thật trong Đại thừa. Lý này là duyên khởi nhất tâm sâu xa chí lý. Cho nên kiết thúc khuyên răn bốn chúng đệ tử, tin hiểu tu hành như thật chứng nhập, không dứt chủng tánh Như lai, cho nên nói phải nương giáo lý này, chỗ có còn sự phân biệt nào khác.

